

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13- 01- 2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phụng.

2. Ông Huỳnh Phước Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2021/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 176/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1975; HKTT: ấp H, xã LB, huyện L, tỉnh Đ. Tạm trú tại: ấp N, xã V, huyện L, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp H, xã LB, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị M có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết M trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 1998 thì đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã LB, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01 vào ngày 10 tháng 09 năm 1998. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến khoảng vài năm trở lại đây thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh

H đi làm tiền thì giữ riêng không đưa cho vợ để lo cho gia đình, anh H còn thường xuyên uống rượu, khi say xỉn thì anh H hăm dọa đòi đâm đòi giết chị M. Từ tháng 12/2019 thì chị M đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng đã sống xa nhau cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống xa nhau vợ chồng cũng không tìm cách để hàn gắn lại tình cảm, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 13/10/1993, Huỳnh Thị Cẩm Nh sinh ngày 01/12/1998 và Huỳnh Thị Cẩm D, sinh ngày 01/3/2001. Con hiện nay đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu toà án giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu toà án giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Huỳnh Văn H đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Toà án cũng đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng anh H cũng như không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị M nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Toà án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập anh H họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn H, về con chung, tài sản chung và nợ không yêu cầu Toà án giải quyết nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về “Ly hôn”. Bị đơn anh Huỳnh Văn H có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập họp lệ anh Huỳnh Văn H đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết M và anh Huỳnh Văn H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và đến năm 1998 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Ủy ban nhân dân xã LB, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 1 vào ngày 10 tháng 9 năm 1998 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp

được pháp luật công nhận. Chị M trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H xuyên uống rượu, không lo làm ăn để lo cho gia đình, mặc dù chị M đã khuyên giải nhiều lần, anh H không sửa đổi mà còn hành hung đòi đánh đập chị M nên từ tháng 12 năm 2019 chị M đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Bị đơn anh Huỳnh Văn H đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến của mình cũng như không đến Toà án để trực tiếp trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Xét thấy chị M và anh H đã sống xa nhau từ năm 2019, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mạnh ai nấy sống. Tại phiên toà ngày hôm nay anh H cũng không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình mà không có lý do, điều đó thể hiện anh H không mong muốn Toà án hoà giải để vợ chồng đoàn tụ mà để mặc cuộc hôn nhân này. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tuyết M đối với anh Huỳnh Văn H.

[3] Về con chung: Theo chị M trình bày vợ chồng có 03 con chung tên Huỳnh Quốc C, sinh ngày 13/10/1993, Huỳnh Thị Cẩm Nh sinh ngày 01/12/1998 và Huỳnh Thị Cẩm D, sinh ngày 01/3/2001. Con hiện nay đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu toà án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Huỳnh Văn H cũng không có ý kiến về con chung do Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị M trình bày không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng. Còn anh H không có ý kiến về phần tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị M trình bày vợ chồng không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh H không trình bày ý kiến của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trương Thị Tuyết M phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Huỳnh Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Tuyết M được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo biên lai số 0002016 ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

6. Chị Trương Thị Tuyết M được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Đồng Tháp;
 - VKSND H.Lập Vò;
 - Chi cục THADS H.Lập Vò;
 - UBND xã LB
- (GCN số 24/1998, quyển 1)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội